

Số: 150 /KH-UBND

TP. Tây Ninh, ngày 04 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn giai đoạn 2022-2025 và năm 2022 trên địa bàn thành phố Tây Ninh

Thực hiện Quyết định số 1919/QĐ-UBND, ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 và năm 2022; Quyết định số 1813/QĐ-UBND, ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và giao UBND các huyện, thị xã, thành phố đối ứng vốn để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022;

UBND Thành phố xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn giai đoạn 2022-2025 và năm 2022 trên địa bàn thành phố Tây Ninh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với hiệu quả giải quyết việc làm, tạo việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn; chú trọng đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; đào tạo nghề phục vụ phát triển công nghệ cao, cơ giới hoá đồng bộ nông nghiệp, chế biến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chứng nhận an toàn, nghề quản trị trang trại, hợp tác xã và các dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp; phát huy tốt tính hiệu quả và nhân rộng các mô hình điển hình trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai thực hiện chính sách đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo các cấp bậc nghề theo quy định của nhà nước, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, gắn đào tạo nghề ngắn hạn với giải quyết việc làm tại từng địa phương. Tiếp tục phát huy việc thực hiện lồng ghép đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo các cấp bậc nghề với các chương trình, đề án, dự án khác của địa phương nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, gắn với các hỗ trợ phát triển ngành nghề lao động; đào tạo nghề gắn với chính sách an sinh xã hội, thực hiện các công trình phúc lợi xã hội và góp phần thực hiện giảm nghèo bền vững.

2. Yêu cầu

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo các cấp bậc nghề cho nhóm lao động xã hội, nhóm đối tượng yếu thế.

- Đào tạo theo nhu cầu học nghề của người lao động, yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; đảm bảo đào tạo nghề đúng đối tượng, thực hiện đúng chế độ chính sách quy định.

- Cần chú trọng, tăng cường thực hiện mở lớp đào tạo nghề và phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ giải quyết việc làm, tạo việc làm cho lao động nông thôn tại các xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng, điều kiện và chính sách học nghề

1.1. Đối tượng: Gồm nhóm lao động xã hội, lao động dịch chuyển từ địa phương khác vào làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố, đào tạo cho 07 nhóm đối tượng thuộc nhóm yếu thế, cụ thể:

- Nhóm 1: Người khuyết tật;
- Nhóm 2: Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;
- Nhóm 3: Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân;
- Nhóm 4: Người thuộc hộ cận nghèo;
- Nhóm 5: Người học là phụ nữ, lao động nông thôn không thuộc các đối tượng 1, 2, 3, 4;
- Nhóm 6: Người chấp hành xong án phạt tù;
- Nhóm 7: Người thuộc các cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi phải ngừng hoạt động trên địa bàn Thành phố.

1.2. Điều kiện người được hỗ trợ học nghề đối với các đối tượng

Là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có nhu cầu học nghề, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

1.3. Chính sách đối với người học nghề

1.3.1. Đối với 7 nhóm đối tượng

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo: Mức hỗ trợ từng nghề theo quy định của UBND tỉnh Tây Ninh tại Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 về phê duyệt Danh mục nghề và mức chi phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b) Hỗ trợ ăn, đi lại:

- Hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.
- + Hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên.
- + Đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05km trở lên.

1.3.2 Đối với nhóm lao động xã hội

- Doanh nghiệp tự đào tạo cho người lao động, người học tự trang bị cập nhật kiến thức nâng cao tay nghề.

2. Danh mục nghề đào tạo

2.1. Đối với 07 nhóm đối tượng

Danh mục nghề đào tạo trên địa bàn tỉnh gồm 41 nhóm ngành, nghề đào tạo, trong đó gồm 11 nhóm nghề nông nghiệp; 18 nghề phi nông nghiệp và 12 nghề đào tạo cho người khuyết tật. Chi tiết từng nghề quy định tại Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Danh mục nghề

và mức chi phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2.2. Đối với nhóm lao động xã hội

Danh mục nghề tùy theo ngành nghề đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp cần đảm bảo tự đào tạo cho người lao động.

3. Quy mô đào tạo, chương trình, phương thức đào tạo

3.1. Quy mô, ngành nghề đào tạo:

- Đối với 7 nhóm đối tượng: Tối đa 35 học viên/lớp.
- Đối với nhóm lao động xã hội: Tổ chức lớp đào tạo phù hợp theo điều kiện thực tế của đơn vị, doanh nghiệp.

*** Năm 2022**

- Xã Tân Bình: 01 lớp kỹ thuật chăn nuôi và phòng trị bệnh gia súc, gia cầm, số lượng khoảng 30 học viên; 01 lớp kỹ thuật pha chế đồ uống, số lượng khoảng 25 học viên; 01 lớp trang điểm thẩm mỹ, số lượng khoảng 30 học viên.

- Xã Bình Minh: 01 lớp kỹ thuật chăn nuôi và phòng trị bệnh gia súc, gia cầm, số lượng khoảng 30 học viên.

- Xã Thạnh Tân: 01 lớp kỹ thuật pha chế đồ uống, số lượng khoảng 25 học viên.

*** Năm 2023**

- Xã Thạnh Tân: 01 lớp kỹ thuật sơ chế, bảo quản và chế biến nông sản các loại, số lượng khoảng 25 học viên.

- Xã Bình Minh: 01 lớp kỹ thuật nấu ăn, số lượng khoảng 24 học viên.

- Xã Tân Bình 02 lớp: trong đó: 01 lớp kỹ thuật nấu ăn, 01 lớp thợ hồ, số lượng khoảng 60 học viên.

*** Năm 2024**

- Xã Tân Bình: 01 lớp kỹ thuật pha chế đồ uống, số lượng khoảng 30 học viên.

- Xã Bình Minh: 01 lớp kỹ thuật pha chế đồ uống, số lượng khoảng 20 học viên.

- Xã Thạnh Tân: 01 lớp kỹ thuật nấu ăn, số lượng khoảng 22 học viên.

*** Năm 2025:**

- Xã Thạnh Tân: 01 lớp kỹ thuật cắt uống tóc, làm móng, số lượng khoảng 22 học viên.

- Xã Tân Bình: 01 lớp trang điểm thẩm mỹ, số lượng khoảng 30 học viên.

- Xã Bình Minh: 01 lớp trang điểm thẩm mỹ, số lượng khoảng 20 học viên.

3.2. Phương thức đào tạo nghề

- Đào tạo nghề cho người lao động được thực hiện đa dạng, linh hoạt: Đào tạo chính quy tại các cơ sở đào tạo nghề; đào tạo lưu động tại các địa phương; đào tạo tại nơi sản xuất, doanh nghiệp, làng nghề; kết hợp đào tạo lý thuyết tại cơ sở và thực hành nghề tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, dịch vụ...

- Việc tổ chức đào tạo nghề cho người lao động chủ yếu dạy thực hành, thời gian đào tạo phù hợp từng nghề, phù hợp nhận thức của người lao động.

- Ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm: Lao động thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm...

4. Cơ sở thực hiện đào tạo

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo các cấp bậc nghề phải có đủ điều kiện về chương trình, giáo trình, giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề theo quy định. Không để các cơ sở đào tạo nghề không đủ điều kiện, tổ chức đào tạo nghề kém hiệu quả tham gia đào tạo nghề cho người lao động.

5. Giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng theo các khóa học đào tạo nghề lao động nông thôn theo kế hoạch đánh giá mức độ ứng dụng nghề đã học vào sản xuất, hiệu quả sản xuất trước và sau học nghề; đồng thời đề xuất giải pháp có hiệu quả để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

6. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2025.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nội dung chi và mức hỗ trợ

- Danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề hỗ trợ cụ thể đối với từng nhóm đối tượng thực hiện theo Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh.

- Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho tất cả đối tượng áp dụng tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này, và theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học, hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên cho người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

Quyết toán kinh phí hỗ trợ học nghề theo số lượng học viên và thời gian thực tế tham gia học nghề. Trường hợp người lao động tự ý nghỉ học, bỏ học, hoặc bị buộc thôi học thì không được trả tiền ăn trong thời gian nghỉ học, bỏ học, thôi học và tiền đi lại (lướt về), thực hiện theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính.

Ngoài những đối tượng được hỗ trợ tiền ăn, đi lại nêu trên, các địa phương, cơ sở đào tạo tùy điều kiện và khả năng, huy động thêm các nguồn kinh phí khác để hỗ trợ thêm tiền ăn, tiền đi lại cho người học trong thời gian đào tạo.

2. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí dự toán là: **1.084.120.000 đồng**, trong đó:

- Năm 2022: 357.200.000 đồng
- Năm 2023: 281.500.000 đồng
- Năm 2024: 213.580.000 đồng
- Năm 2025: 231.840.000 đồng

Cụ thể kinh phí thực hiện năm 2022 đã được phân bổ như sau:

- * Tổng kinh phí dự toán là: **357.200.000 đồng**, trong đó:
- Nguồn kinh phí trung ương: 212.000.000 đồng

+ Nghề nông nghiệp:	60.000.000 đồng
+ Nghề phi nông nghiệp:	152.000.000 đồng
- Nguồn kinh phí địa phương:	145.200.000 đồng
+ Nghề nông nghiệp:	39.600.000 đồng
+ Nghề phi nông nghiệp:	105.600.000 đồng
* Kinh phí kiểm tra giám sát (nguồn trung ương):	5.000.000 đồng.

3. Sử dụng, quản lý kinh phí

Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn được giao cho Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố và Phòng Kinh tế Thành phố quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bước tiến hành

Bước 1: Trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát và cập nhật số liệu nhu cầu học nghề năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025, Ban quản lý áp dụng danh sách lao động nông thôn đăng ký học nghề thông qua vận động, tuyên truyền của các tổ chức chính trị-xã hội, tổ tự quản ở địa phương nộp về Ủy ban nhân dân xã.

Bước 2: Ủy ban nhân dân xã tổ chức xét duyệt danh sách lao động nông thôn tham gia học nghề năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025, tổng hợp báo cáo về Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố, Phòng Kinh tế Thành phố, đồng thời có biện pháp theo dõi, quản lý số lao động nông thôn tham gia học nghề và việc làm sau khi hoàn thành khoá học (*lưu ý về đối tượng và điều kiện tham gia học nghề*).

Bước 3: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố, Phòng Kinh tế Thành phố chịu trách nhiệm thẩm định danh sách học viên, chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng và các tổ chức chính trị - xã hội tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn giai đoạn 2022 - 2025 và năm 2022 trên địa bàn Thành phố để tổng hợp báo cáo về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

Bước 4: Sau khi được phân bổ kinh phí, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố, Phòng Kinh tế Thành phố ký kết hợp đồng – chuyển tiền – thanh lý hợp đồng với các cơ sở đào tạo nghề đủ điều kiện để tổ chức các lớp đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn theo kế hoạch và mức chi đã được UBND tỉnh phê duyệt. Các cơ sở đào tạo nghề hướng dẫn học viên làm thủ tục nhập học; trong quá trình dạy học; tổ chức kiểm tra cuối khóa và cấp chứng chỉ cho học viên đạt yêu cầu theo quy định.

Bước 5: Trong quá trình tổ chức thực hiện, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố, Phòng Kinh tế Thành phố tham mưu cho UBND Thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổng hợp báo cáo kết quả Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Được điều chỉnh số học viên, ngành nghề trong phạm vi kinh phí được phê duyệt và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn, các ngành nghề đào tạo không đủ học viên tham gia lớp học, địa phương chủ động liên kết các xã tạo điều kiện mở lớp đào tạo đảm bảo đúng quy định.

2. Phân công nhiệm vụ

2.1. Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố

- Chủ trì, phối hợp Phòng Kinh tế Thành phố tham mưu UBND Thành phố xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025 và năm 2022; phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội

và UBND các xã thẩm định danh sách lao động nông thôn đăng ký học nghề, theo dõi, quản lý số lao động nông thôn tham gia học nghề và việc làm của học viên sau khi học nghề.

- Ký kết hợp đồng, chuyên tiền, thanh lý hợp đồng với các cơ sở đào tạo nghề đủ điều kiện để tổ chức các lớp đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn đối với ngành nghề thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp.

2.2. Phòng Kinh tế Thành phố

- Phối hợp với Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố tham mưu UBND Thành phố xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Tây Ninh năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025; phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và UBND các xã thẩm định danh sách lao động nông thôn đăng ký học nghề, theo dõi, quản lý số lao động nông thôn tham gia học nghề và việc làm của học viên sau khi học nghề đối với ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Ký kết hợp đồng, chuyên tiền, thanh lý hợp đồng với các cơ sở đào tạo nghề đủ điều kiện để tổ chức các lớp đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn đối với ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

2.3. UBND các xã

- Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, ban, ngành địa phương tổ chức xét duyệt danh sách lao động nông thôn tham gia học nghề đúng đối tượng theo quy định.

- Phối hợp với phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố trong việc tổ chức lớp học, quản lý và hỗ trợ công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn thực hiện sẽ góp phần quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp-nông thôn; góp phần giảm nghèo, giảm tỉ lệ thất nghiệp, giải quyết việc làm tăng thu nhập, tạo ra nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu xã hội.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025 và năm 2022 của UBND Thành phố./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động TBXH Tây Ninh;
- TT. Thành ủy;
- TT.HĐND Thành phố;
- CT, các PCT UBND Thành phố;
- Các đơn vị liên quan;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hiếu

Số: 357 /TTr-LĐT BXH

TP. Tây Ninh, ngày 27 tháng 9 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành văn bản

Kính gửi: UBND thành phố Tây Ninh

Trình lần thứ: 1.

Thực hiện Quyết định số 1919/QĐ-UBND, ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 và năm 2022; Quyết định số 1813/QĐ-UBND, ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và giao UBND các huyện, thị xã, thành phố đối ứng vốn để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022;

Căn cứ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố đã tham mưu UBND Thành phố xây dựng dự thảo văn bản để thực hiện.

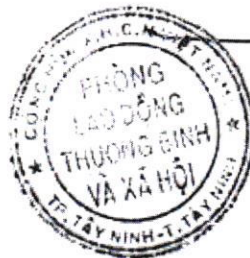
Nay Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành văn bản.

(Xin đính kèm văn bản dự thảo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng LĐT BXH TP.

TRƯỞNG PHÒNG



Thương

Nguyễn Thị Thiên Hương

Số: 116/BC-LĐTĐBXH

TP. Tây Ninh, ngày 27 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả lấy ý kiến dự thảo văn bản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố

Thực hiện Quyết định số 1919/QĐ-UBND, ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 và năm 2022; Quyết định số 1813/QĐ-UBND, ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và giao UBND các huyện, thị xã, thành phố đối ứng vốn để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022;

Căn cứ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố đã tham mưu UBND Thành phố xây dựng dự thảo văn bản thực hiện về việc đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2022-2025 và năm 2022.

Ngày 20/9/2022, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố đã có Công văn số 233/PLĐTĐBXH lấy ý kiến đối với 17 đơn vị cấp Thành phố và 03 xã. Kết quả, Phòng nhận được 04 ý kiến thống nhất dự thảo văn bản gồm: UB.MTTQVN, Trung tâm VH-TT và TT, Phòng Kinh tế, Phòng Tài chính-Kế hoạch; 03 ý kiến đề nghị xem xét về câu từ của 03 đơn vị gồm: Phòng Tư pháp, Phòng Nội vụ, Phòng Văn hóa và Thông tin.

Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố tiếp thu các ý kiến đóng góp và hoàn chỉnh dự thảo văn bản.

Trên đây là báo cáo kết quả lấy ý kiến góp ý dự thảo Kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn giai đoạn 2022-2025 và năm 2022 trên địa bàn thành phố Tây Ninh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thiên Hương